

Số: KH1T-10/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**
(Tháng 4/2026)

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật từ tháng 3/2026

+ **Không khí lạnh (KKL)**: Tháng 3/2026, đã xảy ra 02 đợt KKL vào ngày 03/3 và ngày 09/3. Các đợt KKL chủ yếu gây trời rét và mưa rải rác cho khu vực Bắc Bộ.

+ **Đông, lốc, sét**: Trên phạm vi toàn quốc đã xảy ra một số trận dông, lốc và mưa đá (Phụ lục- Bảng 1).

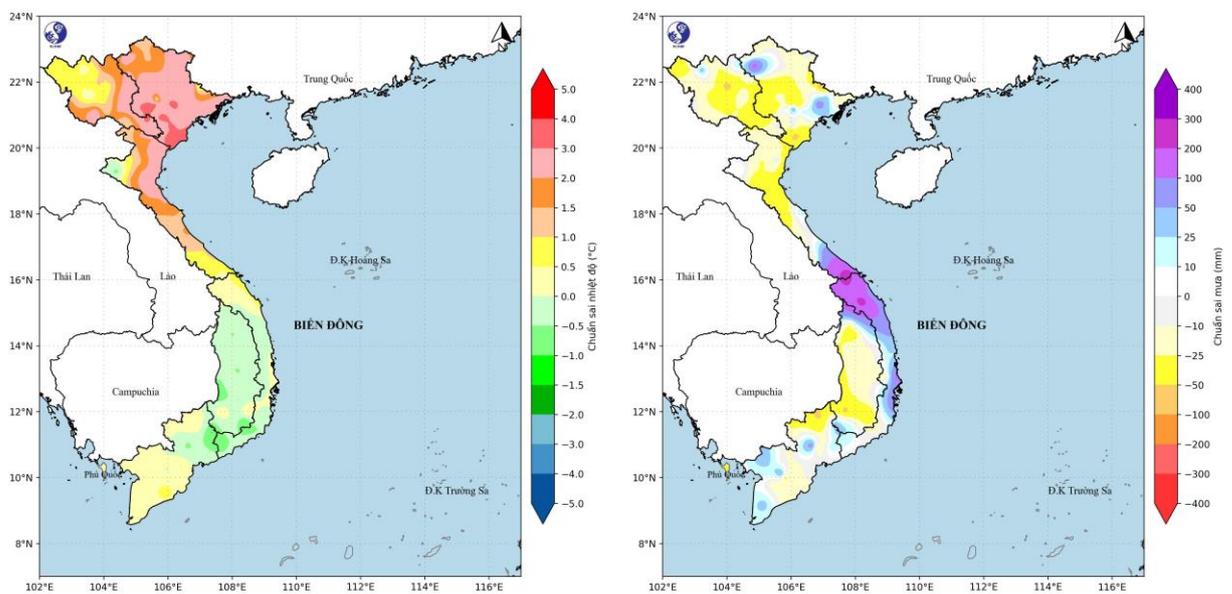
+ **Mưa diện rộng**: Trong tháng 3/2026, tại khu vực Bắc Bộ đã xuất hiện các đợt mưa: Từ ngày 03-04/3, 08-09/3, 15-16/3, 22-23/3 (tập trung ở khu vực vùng núi Bắc Bộ) và từ ngày 29-30/3; trong đó có ngày 03/3, ngày 09/3, ngày 22/3 và ngày 29-30/3 cục bộ có mưa vừa, mưa to. Các tỉnh từ Thanh Hóa đến Huế và khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ xảy ra 02 đợt mưa từ ngày 03-07/3 và 9-16/3; đáng lưu ý từ ngày 09-14/3, các tỉnh từ Huế đến khu vực phía Đông tỉnh Quảng Ngãi đã xảy ra mưa vừa, mưa to với lượng mưa ngày phổ biến từ 20-50mm, cục bộ có nơi trên 100mm. Khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ đã xảy ra đợt mưa từ ngày 05-07/3; một số trạm ghi nhận giá trị lượng mưa ngày và tổng lượng mưa (TLM) tháng vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng kỳ (Phụ lục- Bảng 2, 3).

+ **Nắng nóng (NN)**: Trong tháng 3/2026, tại khu vực Tây Bắc Bộ chỉ xảy ra 01 ngày NN vào ngày 31/3. Khu vực từ Nghệ An đến Quảng Ngãi xảy ra 01 đợt NN xảy ra từ ngày 30-31/3; riêng khu vực Cao nguyên Trung Bộ chỉ xảy ra NN trong ngày 28/3. Khu vực Nam Bộ xảy ra 01 đợt NN từ ngày 28-31/3 tập trung chính ở khu vực miền Đông Nam Bộ. Trong tháng, tại một số trạm khí tượng đã ghi nhận được nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày vượt GTLS cùng kỳ (Phụ lục-Bảng 4).

+ **Nhiệt độ trung bình (NĐTĐB)**: Trong tháng 3/2026, tại khu vực Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa-Huế, NĐTĐB phổ biến cao hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN) từ 1,0-3,0°C, các khu vực khác NĐTĐB phổ biến ở mức xấp xỉ so

với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 1a*). Đáng chú ý, nhiều nơi ở Bắc Bộ và Thanh Hóa xảy ra nhiệt độ trung bình tháng đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ tháng 3 (*Phụ lục- Bảng 5*).

+ **Lượng mưa:** Trong tháng 3/2026, tại khu vực Bắc Bộ, các tỉnh từ Thanh Hóa-Hà Tĩnh, khu vực Cao Nguyên Trung Bộ và Nam Bộ TLM phổ biến thấp hơn từ 10-40mm so với TBNN cùng thời kỳ, tuy nhiên cục bộ có nơi cao hơn TBNN, đặc biệt tại Bắc Quang cao hơn tới 128mm. Khu vực ven biển các tỉnh từ Quảng Trị đến Đắk Lắk và Khánh Hòa TLM phổ biến cao hơn TBNN từ 20-80mm, trong đó các tỉnh từ Huế-Đà Nẵng và khu vực Tuy Hòa (Đắk Lắk) TLM cao hơn từ 100-200mm, có nơi cao hơn.



(a) (b)
Hình 1: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) và (b) Chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 3/2026

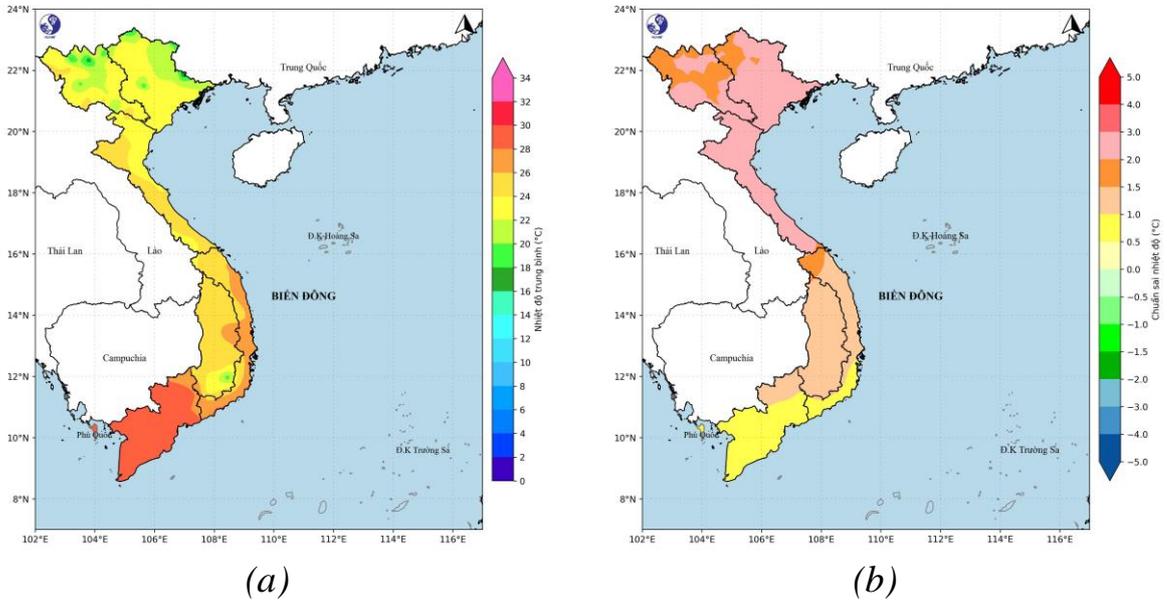
2. Dự báo xu thế khí hậu tháng 4/2026

2.1. Dự báo xu thế NĐTB

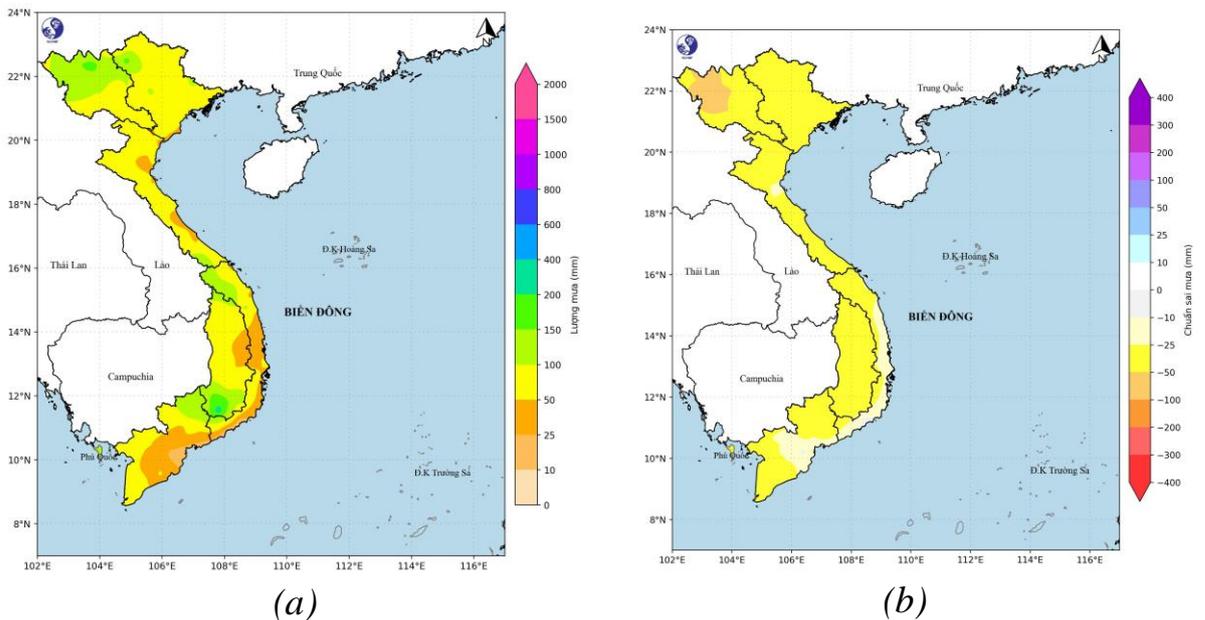
Trong tháng 4/2026, NĐTB trên phạm vi toàn quốc phổ biến cao hơn so với TBNN. Trong đó, tại khu vực Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa-Huế, NĐTB phổ biến cao hơn so với TBNN từ 1,5-2,5 $^{\circ}\text{C}$ độ, các khu vực khác NĐTB phổ biến cao hơn từ 0,5-1,5 $^{\circ}\text{C}$ độ so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 2b*).

2.2. Dự báo xu thế lượng mưa

Trong tháng 4/2026, TLM tại khu vực Bắc Bộ phổ biến thấp hơn so với TBNN từ 30-60mm; tại khu vực Trung Bộ và Nam Bộ, TLM phổ biến thấp hơn từ 15-30mm, trong đó khu vực Cao nguyên Trung Bộ, TLM phổ biến thấp hơn từ 30-40mm so với TBNN cùng thời kỳ.



Hình 2: (a) Nhiệt độ TBNN ($^{\circ}\text{C}$) tháng 4/2026; (b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 4/2026



Hình 3: (a) Tổng lượng mưa (mm) TBNN tháng 4/2026; (b) Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 4/2026

2.3. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

+ *Bão/áp thấp nhiệt đới (ATNĐ)*: Trong tháng 4/2026, trên khu vực Biển Đông ít có khả năng xuất hiện bão/ATNĐ (TBNN: Trên khu vực Biển Đông là 0,2 cơn và 0 cơn đổ bộ vào đất liền Việt Nam).

+ *Không khí lạnh*: Trong tháng 4/2026, KKL còn hoạt động nhưng cường độ yếu, chủ yếu nén rãnh áp thấp ở phía Nam Trung Quốc và có thể gây ra những đợt mưa dông kèm theo lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh ở khu vực Bắc Bộ.

+ *Mưa diện rộng*: Trong tháng 4/2026, trên hầu khắp cả nước có khả năng xảy ra một số đợt mưa diện rộng, trong đó mưa tập trung nhiều hơn ở khu vực vùng núi Bắc Bộ.

+ *Nắng nóng*: Trong tháng 4/2026, nắng nóng có xu hướng gia tăng trên hầu khắp các khu vực trên cả nước. Nắng nóng có khả năng xuất hiện gay gắt hơn so với TBNN, tập trung nhiều ở khu vực Tây Bắc Bộ, các tỉnh từ Thanh Hóa-Huế và Nam Bộ.

+ Hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh có khả năng xuất hiện trên phạm vi cả nước, tập trung nhiều hơn ở khu vực Bắc Bộ.

2.4. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Trên đất liền, KKL hoạt động yếu nén rãnh áp thấp có thể gây ra các đợt mưa dông, có thể kèm theo hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh, gây tác động đến các hoạt động dân sinh. Tại các khu vực Tây Bắc Bộ, các tỉnh từ Thanh Hóa-Huế và Nam Bộ, hiện tượng nắng nóng và nắng nóng gay gắt gây ảnh hưởng đáng kể đến đời sống và sản xuất của người dân. Ngoài ra, cần đề phòng lốc xoáy kèm theo gió giật mạnh cục bộ trên các khu vực thuộc Biển Đông gây nguy hiểm cho các hoạt động của tàu thuyền trên biển.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan. Do đó, đề nghị các cấp chính quyền và người dân thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa tháng 4/2026

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 01-10/4		Thời kỳ 11-20/4		Thời kỳ 21-30/4		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	24,0-25,0	10-20	25,0-26,0	10-25	25,0-26,0	25-40	24,5-25,5	40-80
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	25,0-26,0	15-30	25,5-26,5	10-25	26,5-27,5	30-50	25,5-26,5	60-100
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	23,0-24,0	5-15	24,0-25,0	5-15	24,5-25,5	15-30	24,0-25,0	30-60

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 01-10/4		Thời kỳ 11-20/4		Thời kỳ 21-30/4		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	25,0-26,0	5-15	25,5-26,5	10-20	26,5-27,5	15-30	25,5-26,5	40-70
Hải Phòng-Tp, Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	24,0-25,0	5-15	25,0-26,0	5-10	25,5-26,5	10-25	25,0-26,0	20-50
Hà Đông-Tp, Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	25,0-26,0	5-15	25,5-26,5	5-15	26,0-27,0	30-50	25,5-26,5	40-80
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	26,0-27,0	5-10	26,0-27,0	5-15	26,5-27,5	20-40	26,0-27,0	30-60
Huế-Tp, Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	27,0-28,0	5-15	27,5-28,5	5-15	27,5-28,5	20-40	27,5-28,5	30-70
Kon Tum-Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	26,5-27,5	10-30	27,0-28,0	20-40	26,5-27,5	20-40	26,5-27,5	50-100
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	28,0-29,0	5-15	28,5-29,5	5-10	28,5-29,5	5-10	28,5-29,5	10-30
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	27,5-28,5	10-20	28,0-29,0	5-10	28,5-29,5	5-15	28,0-29,0	20-40
Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	27,0-28,0	10-20	27,0-28,0	10-25	26,5-27,5	20-40	27,0-28,0	40-80
Nhà Bè-Tp, Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	29,5-30,5	5-10	30,0-31,0	5-15	30,0-31,0	15-30	30,0-31,0	20-50
Cần Thơ-Tp, Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	28,5-29,5	< 5	29,0-30,0	5-10	29,0-30,0	10-30	29,0-30,0	15-40

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);

- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);

- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);

- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),

- Các khu vực dự báo được điều chỉnh theo địa danh hành chính mới (Bảng 6- Phụ lục)

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 12h00 ngày 11/4/2026

Tin phát lúc: 12h00 ngày 01/4/2026./.

Soát tin: Đỗ Thị Thanh Thủy

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Hòa

Phụ lục

Bảng 1: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ trong tháng 3/2026

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Dông và lốc	xã Ba Vinh và Ba Vi, tỉnh Quảng Ngãi	03/3/2026
Dông lốc, gió, mưa đá	xã Bum Tờ, Nậm Hàng, Pa Ủ tỉnh Lai Châu	16-17/3/2026
Dông lốc, gió, mưa đá	Lào Cai, Cao Bằng	29/3/2026
Mưa đá	Hà Nội	29/3/2026

Bảng 2: Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 3/2026 vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 3	Ngày xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Thủ Dầu Một (Tp. Hồ Chí Minh)	42,6	31/3/2019	46,0	06/3/2026

Bảng 3: Tổng lượng mưa tháng trong tháng 3/2026 vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 3	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa tháng 3/2026 vượt GTLS
1	Huế (Tp. Huế)	197,8	1999	207,6
2	Nam Đông (Tp. Huế)	258,5	2002	310,0

Bảng 4: Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 3/2026 vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 3	Ngày xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Móng Cái (Quảng Ninh)	30,5	31/3/2014	31,0	02/3/2026
2	Bạch Long Vĩ (Tp. Hải Phòng)	30,2	24/3/2020	31,5	26/3/2026
3	Hòn Dấu (Tp. Hải Phòng)	30,1	31/3/2018	31,4	31/3/2026
4	Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	37,6	23/3/2023	38,0	31/3/2026

Bảng 5: Nhiệt độ trung bình tháng 3/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất trong tháng 3	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ trung bình tháng 3/2026 vượt GTLS
1	Hòa Bình (Phú Thọ)	24,5	2013	24,7
2	Việt Trì (Phú Thọ)	24,0	2013	24,1
3	Móng Cái (Quảng Ninh)	21,9	2013	22,4
4	Tiên Yên (Quảng Ninh)	22,1	2013	22,2
5	Cô Tô (Quảng Ninh)	21,6	1973	22,4
6	Cửa Ông (Quảng Ninh)	22,1	2020	22,6
7	Uông Bí (Quảng Ninh)	23,2	2013	23,3
8	Bắc Giang (Bắc Ninh)	23,3	2013	23,9
9	Bắc Ninh (Bắc Ninh)	23,5	2013	23,6
10	Phù Liễn (Tp. Hải Phòng)	22,2	2013	22,4
11	Hòn Dấu (Tp. Hải Phòng)	22,5	1987	23,5
12	Bạch Long Vĩ (Tp. Hải Phòng)	22,6	2020	23,1
13	Ba Vì (Tp. Hà Nội)	23,6	2013	23,6
14	Sơn Tây (Tp. Hà Nội)	23,7	2013	23,8
15	Láng (Tp. Hà Nội)	24,0	2013	24,1
16	Hoài Đức (Tp. Hà Nội)	23,7	2013	23,9
17	Hà Đông (Tp. Hà Nội)	23,7	2013	23,8
18	Hung Yên (Hung Yên)	23,2	2013	23,4
19	Nam Định (Ninh Bình)	23,1	2013	23,7
20	Văn Lý (Ninh Bình)	22,5	1987	22,9
21	Nho Quan (Ninh Bình)	23,3	2013	23,5
22	Ninh Bình (Ninh Bình)	22,9	2013	23,6
23	Thái Bình (Ninh Bình)	22,8	2013	23,1
24	Sầm Sơn (Thanh Hóa)	22,9	2013	23,4
25	Thanh Hóa (Thanh Hóa)	23,0	1987	23,4

Bảng 6: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
1	Khu vực Tây Bắc Bộ	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Hòa Bình cũ),
2	Khu vực Đông Bắc	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng

	Bộ	Ninh, Tp, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Tp, Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ),
3	Khu vực Thanh Hóa-Huế	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Tp, Huế,
4	Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	Tp. Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng,
5	Khu vực Cao nguyên Trung Bộ	Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng,
6	Khu vực Nam Bộ	Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tp. Cần Thơ, An Giang, Cà Mau,